

**THÔNG BÁO XÉT TUYỂN NGUYỆN VỌNG ĐỢT 2  
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY NĂM 2015**

Căn cứ công văn số 4303/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v tuyển sinh ĐH, CĐ trong các đợt xét tuyển nguyện vọng bổ sung;

Căn cứ Biên bản xét tuyển ngày 24/8/2015 của Hội đồng tuyển sinh trường Đại học Tân Trào năm 2015,

Trường Đại học Tân Trào thông báo xét tuyển nguyện vọng đợt 2 - Đại học, Cao đẳng hệ chính quy năm 2015, cụ thể như sau:

+ Tên trường: Trường Đại học Tân Trào

+ Ký hiệu trường: TQU

**1. Chỉ tiêu tuyển sinh: 1074**

- Bachelor: 321 chỉ tiêu.

- Bachelor: 753 chỉ tiêu.

**2. Đối tượng tuyển sinh và vùng tuyển sinh:**

- **Đối tượng tuyển sinh:**

+ Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và tham gia kỳ thi THPT quốc gia năm 2015 có đăng ký sử dụng kết quả để xét tuyển sinh đại học - cao đẳng, có kết quả các môn thi thuộc tổ hợp môn xét tuyển phù hợp với ngành đào tạo của trường.

- **Vùng tuyển sinh:** CẢ NƯỚC.

**3. Hình thức xét tuyển:** sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2015.

**4. Điểm xét tuyển:**

- Đại học Giáo dục Tiểu học: Tổng điểm 03 môn xét tuyển đạt từ 18.0 điểm trở lên (không có điểm liệt từ 0 đến 1), cụ thể như sau:

Đối tượng	Khu vực	Khu vực			
		KV3	KV2	KV2-NT	KV1
HSPT	Mức điểm xét tuyển	18,0	17,5	17,0	16,5
UT2	Mức điểm xét tuyển	17,0	16,5	16,0	15,5
UT1	Mức điểm xét tuyển	16,0	15,5	15,0	14,5

- Các ngành đại học khác: Tổng điểm 03 môn xét tuyển đạt từ 15.0 điểm trở lên (không có điểm liệt từ 0 đến 1), cụ thể như sau:

Khu vực		KV3	KV2	KV2-NT	KV1
Đối tượng					
HSPT	Mức điểm xét tuyển	15,0	14,5	14,0	13,5
UT2	Mức điểm xét tuyển	14,0	13,5	13,0	12,5
UT1	Mức điểm xét tuyển	13,0	12,5	12,0	11,5

- **Bậc cao đẳng:** Tổng điểm 03 môn xét tuyển đạt từ 12.0 điểm trở lên (không có điểm liệt từ 0 đến 1), cụ thể như sau:

Khu vực		KV3	KV2	KV2-NT	KV1
Đối tượng					
HSPT	Mức điểm xét tuyển	12,0	11,5	11,0	10,5
UT2	Mức điểm xét tuyển	11,0	10,5	10,0	9,5
UT1	Mức điểm xét tuyển	10,0	9,5	9,0	8,5

**5. Thời hạn nhận hồ sơ xét tuyển:** Từ ngày **26/8/2015** đến **17h** ngày **07/9/2015**.

**6. Hồ sơ xét tuyển, gồm có:**

- Bản photo Giấy chứng nhận kết quả thi Trung học phổ thông quốc gia năm 2015 .

- Phiếu đăng ký xét tuyển nguyện vọng bổ sung (Theo mẫu gửi kèm công văn 4303/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24/8/2015)

- 01 phong bì đã dán sẵn tem và ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh.

**7. Lệ phí xét tuyển:** 30.000 đ/hồ sơ.

Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

**Phòng Đào tạo (Phòng 211, nhà A), Trường Đại học Tân Trào  
Km 6, Trung Môn, Yên Sơn, Tuyên Quang  
Điện thoại: 0273.892.012**

*Thông tin chi tiết các ngành và Tổ hợp môn xét tuyển:*

TT	Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Tổng chỉ tiêu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I.</b>	<b>Các ngành đào tạo đại học:</b>			<b>321</b>
1	Giáo dục Tiểu học	D140202	1. Toán, Lý, Hóa 2. Văn, Sử, Địa 3. Toán, Văn, Tiếng Anh	72

<b>TT</b>	<b>Ngành học</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển</b>	<b>Tổng chỉ tiêu</b>	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
2	Giáo dục Mầm non	D140201	1. Toán, Văn, Sử; 2. Văn, Tiếng Anh, Sử; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.	3	
3	Vật lý	D440102	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Lý.	246	
4	Văn học	D220330	1. Văn, Sử, Địa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Sử.		
5	Quản lý đất đai	D850103	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh; 4. Toán, Văn, Sinh		
6	Khoa học môi trường	D440301	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh 3. Toán, Hóa, Sinh; 4. Toán, Văn, Sinh		
7	Khoa học cây trồng	D620110	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh; 4. Toán, Văn, Sinh		
8	Chăn nuôi	D620105	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh; 4. Toán, Văn, Sinh.		
9	Kế toán	D340301	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.		
10	Kinh tế Nông nghiệp	D620115	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.		
<b>II Các ngành đào tạo cao đẳng</b>					<b>753</b>
1	Giáo dục Tiểu học	C140202	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, Địa; 4. Toán, Văn, Sử.		753
2	Giáo dục Mầm non	C140201	1. Toán, Văn, Sử; 2. Văn, Tiếng Anh, Sử; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.		
3	Giáo dục Công dân	C140204	1. Văn, Sử, Địa.; 2. Toán, Văn, Sử; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.		
4	Sư phạm Toán học	C140209	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh;		

<b>TT</b>	<b>Ngành học</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển</b>	<b>Tổng chỉ tiêu</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
			3. Toán, Văn, Tiếng Anh.	
5	Sư phạm Tin học	C140210	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.	
6	Sư phạm Vật lý	C140211	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.	
7	Sư phạm Hóa học	C140212	1. Toán, Hóa, Sinh; 2. Toán, Lý, Hóa; 3. Toán, Văn, Hóa. 4. Toán, Tiếng Anh, Hóa.	
8	Sư phạm Sinh học	C140213	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Hóa, Sinh; 3. Toán, Văn, Sinh; 4. Toán, Tiếng Anh, Sinh.	
9	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	C140215	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Hóa, Sinh; 3. Toán, Văn, Sinh; 4. Toán, Tiếng Anh, Sinh.	
10	Sư phạm Ngữ văn	C140217	1. Toán, Văn, Tiếng Anh; 2. Văn, Sử, Địa; 3. Toán, Văn, Sử.	
11	Sư phạm Lịch sử	C140218	1. Toán, Văn, Tiếng Anh; 2. Văn, Sử, Địa; 3. Toán, Văn, Sử.	
12	Sư phạm Địa lý	C140219	1. Toán, Lý, Tiếng Anh; 2. Văn, Sử, Địa; 3. Toán, Văn, Địa; 4. Toán, Tiếng Anh, Địa.	
13	Tiếng Anh	C220201	1. Toán, Lý, Tiếng Anh; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh.	
14	Quản lý Văn hóa	C220342	1. Văn, Sử, Tiếng Anh; 2. Văn, Sử, Địa; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.	
15	Quản lý đất đai	C850103	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.	
16	Kế toán	C340301	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh.	
17	Khoa học cây trồng	C620110	1. Toán, Hóa, Sinh; 2. Toán, Tiếng Anh, Sinh; 3. Toán, Văn, Sinh.	

<b>TT</b>	<b>Ngành học</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tổ hợp môn xét tuyển</b>	<b>Tổng chỉ tiêu</b>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
18	Khoa học thư viện	C320202	1. Toán, Lý, Tiếng Anh; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Sử.	
19	Quản trị văn phòng	C340406	1. Toán, Lý, Tiếng Anh; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Sử.	

**Lưu ý:**

1. Nếu một ngành nhiều tổ hợp môn thì mức điểm xét tuyển giữa các tổ hợp môn trên ngành đó là như nhau.

2. Nếu ngành xét tuyển có số lượng thí sinh trúng tuyển ít, không đủ để tổ chức lớp thì thí sinh sẽ được chuyển sang ngành có cùng tổ hợp môn.

3. Những ngành dùng đồng thời tổ hợp môn truyền thống và tổ hợp môn mới (tổ hợp lần đầu tiên đưa vào sử dụng) để xét tuyển thì dành ít nhất 85% chỉ tiêu của ngành đó để xét tuyển theo các tổ hợp môn thi tương ứng với các khối thi truyền thống.

4. Đối với thí sinh:

a) Theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy hiện hành, tiếp thu các ý kiến đóng góp, trong các đợt xét tuyển bổ sung, sau khi đã đăng ký xét tuyển vào trường, thí sinh không được thay đổi nguyện vọng và không được rút hồ sơ để chuyển sang trường khác.

b) Thí sinh sử dụng số mã vạch của mỗi Giấy chứng nhận kết quả thi để đăng ký xét tuyển vào một trường duy nhất; gửi Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu) theo một trong các phương thức sau:

- Nộp tại sở GDĐT hoặc trường THPT do sở GDĐT quy định.
- Qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh.
- Nộp trực tiếp tại trường.

*(ĐKXT qua đường bưu điện và nộp trực tiếp tại trường cần kèm theo bản photo Giấy chứng nhận kết quả thi)*

Thí sinh có thể sử dụng tối đa 3 phiếu để đăng ký vào 3 trường khác nhau trong mỗi đợt xét tuyển, theo phương thức trên.

c) Khi trúng tuyển, thí sinh mang theo Giấy chứng nhận kết quả thi để làm thủ tục nhập học tại trường.

**Nơi nhận:**

- UBND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo trường (b/c)
- Lưu: VT, ĐT

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đã ký**

**TS. Nguyễn Bá Đức**